

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐẶC ĐIỂM TRI NHẬN TRONG KẾT CẤU MỆNH LỆNH
TIẾNG ANH *LET/LET'S*

PHẠM NGỌC TUẤN*

TÓM TẮT: Bài viết được thực hiện dựa trên đường hướng tiếp cận mệnh lệnh dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận nhằm phân tích, miêu tả các đặc điểm tri nhận trong kết cấu mệnh lệnh tiếng Anh với động từ *Let/Let's* dựa trên cứ liệu được thu thập và thống kê từ một vài tác phẩm văn học đại chúng Anh-Mỹ tiêu biểu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, kết cấu động từ mệnh lệnh *Let/Let's* được sử dụng trong các tình huống giao tiếp xã hội thông thường, có chức năng như những tổ chức diễn ngôn độc lập, biểu đạt các đặc điểm tri nhận của mệnh lệnh qua 02 (hai) tiêu chí: biểu lực mệnh lệnh (định lượng) và tham thể mệnh lệnh (định tính).

TỪ KHÓA: tri nhận; ngữ pháp kết cấu; lược độ; mệnh lệnh; *Let/lets*.

NHẬN BÀI: 11/08/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 19/10/2023

1. Dẫn nhập

1.1. Từ điển Oxford phiên bản thứ 9/2020 (the Oxford Advanced Learner's Dictionary- OALD) giải thích nét nghĩa mệnh lệnh (imperative) thuộc phạm trù ngữ pháp¹, “hình thức của động từ biểu đạt một mệnh lệnh; động từ trong hình thức mệnh lệnh”. Ví dụ, trong “*Get out!*”, động từ trong hình thức của mệnh lệnh thức, và “*Get out!*” là một câu mệnh lệnh. Theo Chung và Timberlake (1985), Palmer (1986), Jakobson (1995), phạm trù ngữ pháp của thức (Mood) thể hiện một hành động ngôn từ (speech act), bao gồm mức độ xác quyết của một tuyên bố (a statement), nghĩa vụ (obligation) và sự cho phép (permission). Thức có mối quan hệ mật thiết với hành động ngôn từ và bất kì lời nói nào cũng có thể được coi là một hành động mà người nói mong muốn thực hiện một điều gì đó. Nếu “*Holla is my teacher*” liên quan đến thức trần thuật biểu đạt ý nghĩa là một thông tin/ tuyên bố, và “*Is Tom Annabel's boyfriend?*” là một câu hỏi trong thức nghi vấn, thì “*Get out!*” là một câu mệnh lệnh - một hành động ngôn từ cầu khiến, qua đó người nói cố gắng yêu cầu người nhận làm điều gì đó, mang đặc trưng khía cạnh chỉ huy hoặc chỉ đạo - thức mệnh lệnh.

Các đường hướng ngôn ngữ học, về cơ bản, tiếp cận câu mệnh lệnh/ mệnh đề mệnh lệnh/ thức mệnh lệnh (Imperative) dựa trên sự đa dạng các đặc trưng ngữ pháp và ngữ nghĩa qua: người nói, người nghe, thời gian và cú pháp của phát ngôn mệnh lệnh. Trong tiếng Anh, các phạm trù ngữ pháp tham chiếu này không được thể hiện rõ nét khi phân tích cú pháp ở cấp độ mệnh đề/ câu, thậm chí còn thể hiện sự gián lược tối đa các quy tắc ngữ pháp của chủ ngữ, tân ngữ, quy tắc hoà hợp chủ vị, thì, thời, thể, cách, v.v.

1.2. Ngôn ngữ học tri nhận là một ngành khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ tương đối non trẻ, nhưng nhanh chóng trở thành xu hướng phổ biến và có phạm vi ảnh hưởng lan rộng, đặc biệt là trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ dựa trên một số lý thuyết có liên quan chặt chẽ về ngôn ngữ. Quan điểm cốt lõi của ngôn ngữ học tri nhận, một cách cơ bản và căn yếu, được Evans và Green (2006) khái quát “*dựa trên cách sử dụng - usage based*”, thông qua đó, ngôn ngữ trở thành sản phẩm của tương tác với thế giới bên ngoài/ thế giới thực. Từ luận điểm này, Evans và Green (2006) kết luận rằng, kiến thức về ngôn ngữ mà chúng ta tiếp nhận và đạt được thông qua vận dụng trong thực tiễn - giao tiếp xã hội. Các nhà ngôn ngữ học tri nhận tin rằng, có một chuỗi hoạt động nhận thức vận hành xuyên suốt mọi lĩnh vực của ngôn ngữ và chuỗi tập hợp này có mối liên hệ mật thiết đến toàn bộ tri thức (của nhân loại) và (học tập) tiếp nhận kiến thức (của cá nhân) bên cạnh ngôn ngữ. Chẳng hạn, theo Croft và Cruse (2004), quá trình thụ đắc và sử dụng kiến thức ngôn ngữ không khác đáng kể so với việc tiếp nhận và truy xuất kiến thức khác trong não bộ, và khả năng nhận thức mà chúng ta áp dụng để nói và hiểu ngôn ngữ không khác biệt đáng kể so với những khả năng được áp dụng cho các nhiệm vụ nhận thức khác, chẳng hạn như nhận thức trực quan, lý luận hoặc các hoạt động vận động

* Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; Email: phamngoctuanhubt@gmail.com

khác². Và, các phương tiện diễn đạt dựa trên từ/ ngữ mang nhiều hạn chế và thiếu chặt chẽ để bộc lộ ý nghĩa, trong đó, nghĩa ngữ pháp khá trừu tượng so với nghĩa từ vựng.

Bài viết này áp dụng một số nội dung về lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận và ngữ pháp kết cấu vào phân tích, miêu tả các đặc điểm tri nhận qua hai tham tố mệnh lệnh: tham thể và biểu lực của kết cấu mệnh lệnh *let/let's* qua cứ liệu được thu thập và thống kê từ một vài tác phẩm văn học đại chúng Anh - Mỹ tiêu biểu.

2. Cơ sở lý luận

Khái niệm và thuật ngữ lý thuyết kết cấu (constructionist theory) của Goldberg (1995) cho rằng, kết cấu ngữ pháp chính là mối quan hệ hình thức và chức năng được quy ước hóa. Theo quan điểm này, tất cả các cấp độ phân tích ngữ pháp đều liên quan đến các kết cấu cặp nối ghép (pairing) giữa hình thức biểu đạt với chức năng ngữ nghĩa hoặc chức năng diễn ngôn, như: kết cấu cấp độ hình vị, ví dụ: *re-*, *-ing* (các tiền tố, hậu tố...); kết cấu cấp độ từ, ví dụ: *apple, and*; kết cấu cấp độ thành ngữ, ví dụ: *like father like son*; kết cấu ngoại động từ có 2 tân ngữ (*Ditransitive; double object*), ví dụ: *he baked her some bread (Subj V Obj1 Obj2)*; kết cấu bị động, ví dụ: *the cat was hit by a car (Subj aux VPpp; PPby)*.

Nghiên cứu của Goldberg (2006) liên quan đến sự kết hợp của một số kết cấu riêng biệt thể hiện quan điểm có khả năng giải thích về sự hạn chế và (được/ nên) lựa chọn của nhiều kết cấu mệnh lệnh hỗn hợp khác nhau về phạm vi và độ phức tạp của mối quan hệ, bao gồm: *Mệnh lệnh với bị động, tiếp diễn và hoàn thành*;

Mệnh lệnh điều kiện với và/ hoặc; Mệnh đề trong mệnh đề phụ, ví dụ: Mệnh lệnh trong “*Call me later*”. Liên quan đến ba kết cấu (cấp độ mệnh đề): kết cấu mệnh lệnh (Imperative construction), kết cấu ngoại động từ (Transitive construction); Kết cấu chủ động (Active construction). Ví dụ:

“*Call me later!*” được coi là dạng thức chuẩn của kết cấu mệnh lệnh, bởi vì ba kết cấu thành phần hoàn toàn hòa hợp trong mối quan hệ bổ sung ý nghĩa cho khái niệm nội tại của mệnh lệnh.

Như vậy, ngữ pháp kết cấu (Construction grammar-CG) đề cập đến việc từ/ ngữ được nhóm lại với nhau để tạo thành các “kết cấu” có nghĩa riêng của chúng và những ý nghĩa này liên quan đến trải nghiệm/ kinh nghiệm hàng ngày và tồn tại trong các phạm trù toả tia (radial categories). Mệnh lệnh thức, trong nghiên cứu này, được coi như một kết cấu, và như Goldberg (1995, 2006) đề xuất, một kiểu cấu trúc quy ước của ngôn ngữ thông thường mang ý nghĩa độc lập trong sự kết hợp với các tiêu kết cấu từ loại trong mệnh đề, phát ngôn, v.v.

Khi xét đến các đặc điểm tri nhận của mệnh lệnh, Pérez Hernandez và Ruiz de Mendoza (2002) bổ sung lý thuyết mô hình tri nhận lý tưởng ICM (Idealized Cognitive Model -ICM) mà Lakoff (1987), Johnson (1987) gợi ý về lược đồ hình ảnh nhằm giải đáp các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ giữa lực vật lý và lực liên quan đến hành vi lời nói, đồng thời, đề xuất phân tích điển mẫu mệnh lệnh theo hai tiêu chí (bảng minh họa):

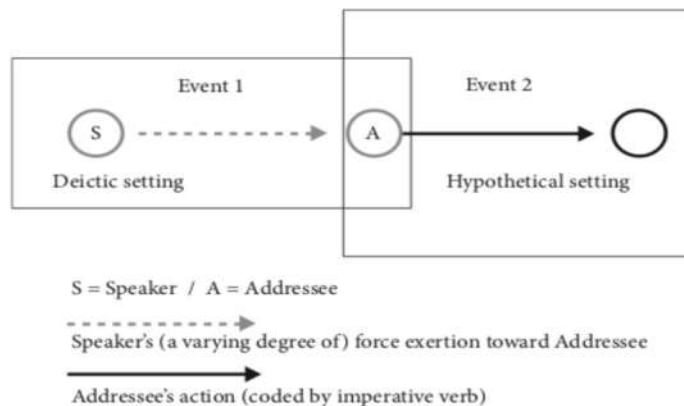
Force Exertion Biểu lực	High Cao	Low Thấp	Zero	M.Low Thấp TB	M.High Cao TB
Mong muốn	+2	+1	0	-1	-2
Vị thế/ quyền	+2	+1	0	-1	-2
Khả năng	+2	+1	0	-1	-2
Chi phí	+2	+1	0	-1	-2
Lợi ích	+2	+1	0	-1	-2
Nghĩa vụ	+2	+1	0	-1	-2
Tổng	10				-10

- Biểu lực mệnh lệnh được coi là tiêu chí chính trong việc đánh giá điển mẫu mệnh lệnh qua 06 thông số: mong muốn, khả năng, quyền lực, chi phí, lợi ích và nghĩa vụ (desire, capability, power, cost, benefit, and obligation). Biểu lực được coi là có ý nghĩa biểu lực mệnh lệnh cao khi đạt giá trị trong +3 đến +7 và mức độ trung bình từ 0 đến +2, giá trị âm thể hiện hành động ngôn từ có biểu lực mệnh lệnh thấp.

- Tham thể mệnh lệnh, được xem xét từ hai tham số định tính: danh tính và vai ngữ nghĩa (identity and semantic role).

Tuy nhiên, ý nghĩa của mệnh lệnh không thể đơn giản được rút gọn thành phạm trù trừu tượng của biểu lực mệnh lệnh, khái niệm về lược đồ (Schema) và điển mẫu (prototype) của Langacker (1987b) được áp dụng nhằm giải thích cụ thể biểu lực trừu tượng tương thích với ý nghĩa từ vựng hoặc ngữ pháp thông qua cơ chế hoán dụ, ẩn dụ tri nhận. Theo cách tiếp cận này, lược đồ mệnh lệnh được phác thảo như sau:

Lược đồ mệnh lệnh tiếng Anh của Langacker (2008)



Lược đồ cho thấy, bất kì mệnh đề mệnh lệnh nào cũng có thể được phân tích bao gồm hai sự kiện thứ cấp (subevents), được gọi là sự kiện 1 và sự kiện 2, tương ứng:

Sự kiện 1, lực từ chủ thể (thể hiện bằng mũi tên đứt đoạn) hướng về phía tiếp thể hoặc người nghe trong cảnh huống tại lời (deictic setting)³. Sự kiện này được ý niệm hóa như bước tiên khởi cho Sự kiện 2.

Sự kiện 2, tiếp thể mệnh lệnh (addressee) cũng được ý niệm hóa như là tiến trình “thực hiện hành động mệnh lệnh” (được biểu thị bằng mũi tên thẳng) mang tính giả định.

Hai sự kiện thứ cấp kết hợp với nhau để tạo thành một chuỗi hành động, S (chủ thể) và A (tiếp thể) được khắc họa trong vòng tròn nhỏ, nhằm chỉ ra rằng những thực thể này không được mã hóa thông thường, mặc dù hiện diện trong ý thức của các tham thể (qua cơ chế tri nhận).

Như vậy, thông qua lược đồ và tiêu chí điển mẫu mệnh lệnh, các đặc điểm tri nhận của kết cấu mệnh lệnh được xác định thông qua các tham số định lượng và định tính.

3. Nội dung

Thống kê từ 5 tác phẩm (nguồn: ngữ liệu tiếng Anh quốc tế (International Corpus of English; ICE), chúng tôi thu được 939 mục chứa mệnh lệnh thức, trong đó, mệnh lệnh với “*let/let's*” xuất hiện 230 lần, chiếm tỉ lệ 24% (làm tròn số), cao nhất trong nhóm động từ mệnh lệnh tiếng Anh. Chúng được phân bổ như sau: *Let* xuất hiện trong 117 mục, *Let's* xuất hiện 110 mục, phủ định của *Let* (*don't let*) xuất hiện trong 2 mục và trong 1 câu hỏi (trong *Malice*). Stefanowitch và Gries (2003) phân tích cấu trúc kết cấu các ngữ đoạn dựa trên ngữ dữ liệu ICE-GB (International Corpus of English; GB) đã đi đến kết luận cho rằng, động từ *Let* xuất hiện chủ yếu trong mệnh lệnh hơn là các biểu đạt khác so với 11 nét nghĩa trong từ điển OALD.

Trong các kiểu kết hợp của ngoại động từ *Let* với tân ngữ (object), kết cấu “*Let me*” thể hiện ưu thế nổi trội khi tần suất xuất hiện (87/119 mục xấp xỉ 73%). Điều này chứng minh rằng, đặc điểm kết cấu LET + ME...phổ biến trong giao tiếp nảy sinh mệnh lệnh và có ý nghĩa như một hành động khởi ngôn hướng về chủ thể phát ngôn. Ví dụ:

- *Let me say that I myself wish you...* [The Godfather, tr.81]

(Anh chỉ muốn nói, từ trong sâu thẳm anh cầu chúc...)

- *Yes, Simba, but let me explain.* [The Lion King, tr.11]

(Thời nào Simba, xin hãy nghe tôi giải thích đã).

- *Just let me know!* [The General's Daughter, tr.204]

(Nói xem nào!)

Số liệu cũng chứng minh rằng, kết cấu *Let me* chủ yếu kết hợp với các động từ chỉ sự tri nhận (ví dụ: *think, understand, know*) và nhóm động từ chỉ sự nhận thức (ví dụ: *see, look, hear, feel*)⁴ như một tổ hợp phương tiện diễn ngôn ngữ nghĩa tương đối ổn định (ví dụ: *Let me think, Let me see*), ngoài ra *Let me guess, Let me check* cũng khá phổ biến. Về mặt truyền thống, miêu tả và phân tích các dữ liệu dẫn chứng nêu trên đưa đến kết luận rằng, “*Let*” là động từ mệnh lệnh (imperative verb) đặc trưng. Cụ thể:

Kết cấu chủ đạo *Let* đi với tân ngữ ngôi thứ nhất (me) trong tiếng Anh xảy ra phổ biến và nổi bật so với kết hợp cùng các tân ngữ là ngôi thứ ba (*him/her/them/* danh từ...) với tỉ lệ 73%-27% tương đương 3:1.

Một số kết cấu “*Let me see*”, “*Let me guess*”, “*Let me think*” hoặc “*Let me say*” mang tính ổn định có vai trò như một đơn vị diễn ngôn độc lập.

Brown và Levinson (1987) cho rằng trong các diễn ngôn thường nhật, phổ biến hơn cả là phương tiện biểu đạt có xuất hiện của kết cấu *Let me* trong mối tương quan với chiến lược lịch sự (politeness). Biểu thức LET ME +V thể hiện ý nghĩa yêu cầu tiếp thể (người nghe) cho phép chủ thể phát ngôn hành động qua biểu thị ở V (động từ). Tương minh hơn, trong tương tác xã hội hàng ngày LET ME +V được coi như một biểu thức ngôn ngữ mang tính phổ biến thể hiện sự xin phép của chủ thể mệnh lệnh khi muốn thực hiện một hành động nào đó (ở đây được diễn đạt qua động từ đi cùng kết cấu) và có ý trao quyền cho phép thực hiện hành động đến người nghe (tiếp thể của mệnh lệnh).

Trong những chu cảnh và cảnh ngôn giao tiếp khác nhau, việc lựa chọn LET ME +V thể hiện mức độ lịch sự của các đối tượng giao tiếp, chẳng hạn trong ngữ liệu ***Let me*** examine you first, then I'll have to do a biopsy. *Trước tiên hãy để tôi khám rồi mới làm sinh thiết.* (*The Sky is falling* - p.63). bác sĩ có quyền ra các y lệnh để thực hiện chức năng thăm khám, thay vì đưa ra một diễn ngôn mang tính trực tiếp như: I'll examine you./ *Tôi sẽ khám.* Vì bác sĩ đã chọn phương án biểu đạt mệnh lệnh đậm chất lịch sự nhưng vẫn bảo đảm khả năng truyền đạt thông tin như mong muốn qua ***Let me*** examine you first,...

Wierzbicka (2003) và một số nhà nghiên cứu khác có xu hướng xem xét mối liên hệ tương quan giữa phép lịch sự trong mục đích giảm thiểu (tránh) ý nghĩa mệnh lệnh trong tiếng Anh. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cũng nhất trí cho rằng cách giải thích này không phù hợp với tất cả các biểu đạt mệnh lệnh trong dụng ngôn bởi lẽ chính mệnh lệnh với LET ME vẫn thể hiện khả năng diễn đạt tính chất, mức độ lịch sự của mình trong giao tiếp, chẳng hạn như: *Let me introduce myself./ Xin phép giới thiệu bản thân.* rõ ràng mang tính lịch sự cao hơn I'll introduce myself./ *Tôi (sẽ) giới thiệu bản thân.* Ngoài ra, kết cấu *Let* + tân ngữ là ngôi thứ 3 (*him/ them...* hoặc danh từ) chiếm 32 (27%) mục trong tổng số 230 chỉ mục mệnh lệnh được thu thập, diễn đạt ngữ nghĩa mã hoá thông tin đã đề cập trước, như trong:

d. “....Why don't you show Kemal around? ***Let him*** become...”- “Certainly. This way, Kemal.”/ *Sao con không dẫn Kemal đi dạo xung quanh? Hãy để nó ...*”- “Chắc chắn rồi. Lối này, Kemal. (*The Sky is falling* - p.133

So với động từ mệnh lệnh với ***Let***, Biber và cộng sự (1999), Huddleston và Pullum (2002) đưa ra định nghĩa về mệnh lệnh với ***Let's*** như là “mệnh lệnh bao gồm ngôi thứ nhất/ first person inclusive imperatives hoặc “mệnh lệnh với ngôi thứ nhất số nhiều/ first person plural imperatives”. Trong sự khu biệt với mệnh lệnh thông thường, mệnh lệnh với ***Let's*** thường biểu đạt ý nghĩa hành động được thực hiện hoặc được chia sẻ bởi người nói và (những) người nhận (chúng ta/ chúng tôi), một mình hoặc với một hoặc nhiều người khác. Và cũng chính Biber et al. (1999), Huddleston và Pullum (2002) và Collins (2004) đều đồng thuận với quan điểm cho rằng mệnh lệnh ***let's*** trong một vài trường hợp tùy thuộc vào mục đích, cảnh huống ngôn từ có thể được hiểu là gợi ý cho một hành động hoặc bởi (những) người nhận (hoặc bởi người nói một mình). Hơn nữa, theo Huddleston và Pullum

(2002), mệnh lệnh *let's* thường liên quan đến một phản ứng bằng lời nói biểu thị sự đồng ý hoặc từ chối và cũng có những trường hợp đặc biệt (chẳng hạn như trong các chỉ dẫn giải thích/ hướng dẫn) không có hồi đáp bằng lời, ví dụ như trong ngữ liệu sau:

e. Dr. Hirschberg turned to Kemal again. "Now, *let's take a look at you, young man.*"/ *Tiến sĩ Hirschberg lại quay sang Kemal. "Nào, hãy xem chàng trai trẻ này thế nào."* (*The Sky is falling* - p.144)

f. We have a little time before dinner, *let's go look at my horses.*/ *Chúng ta có một chút thời gian trước bữa tối, hãy đi xem ngựa của tôi đi.* (*The Godfather* - p.63)

g. *Let's go home.*/ *Chúng ta về thôi nào* (*The Lion King* - p.27)

=> chủ thể phát ngôn của a, b và c đều hướng mệnh lệnh đến tiếp thể và chủ thể mệnh lệnh, nghĩa là hành động mệnh lệnh được thực hiện chung bởi cả chủ thể và tiếp thể.

Đặc điểm tri nhận trong kết cấu mệnh lệnh *let/let's*

Về mặt cú pháp, mệnh lệnh thức trong tiếng Anh chính là hình thức và chức năng của động từ mang ý nghĩa biểu đạt mệnh lệnh, theo quan điểm ngữ pháp kết cấu như Goldberg (2006, 2013) khẳng định, mệnh lệnh cũng là một kết cấu trong ngôn ngữ, vì bảo đảm tính thống nhất của cặp hình thức và/ với ý nghĩa.

Xét về tiêu chí biểu lực, ba tham tố cơ bản định lượng có giá trị dao động từ -2, 0, +2, gồm *quyền lực + chi phí + nghĩa vụ*. Xem xét phân tích ở các minh họa (a), (d), và (g):

Trong (a) *Let me* say that I myself wish you...

Anh chỉ muốn nói, từ trong sâu thẳm anh cầu chúc.... (*The Godfather* -p.81), các giá trị được phân tích:

- Mong muốn (desire) được tính +2 thông qua tình huống giao tiếp, chủ thể, là con trai ông Trùm rất mong muốn gặp và nói chuyện với em gái nuôi.

- Khả năng thực hiện (capability) có giá trị +1 vì điều kiện hoàn toàn phù hợp do chủ thể về tham dự và gặp em gái.

- Quyền lực (power) có giá trị 0 do mối quan hệ anh em trong gia đình.

- Chi phí (cost) có giá trị 0 do mối quan thân thiết.

- Lợi ích (benefit) có giá trị 0, lợi ích mang lại cho chủ thể.

- Bồn phận (obligation) có giá trị +1 do chủ thể là anh đến chúc mừng đám cưới em gái. Và nghĩa vụ hướng về chủ thể phát ngôn.

Với giá trị biểu lực cao +4 cho thấy mối quan hệ của tham tố *mong muốn + bồn phận cao* trong mệnh lệnh với *Let me*.

Tiếp tục phân tích (d) d. "...Why don't you show Kemal around? *Let him become...*"- "Certainly. This way, Kemal."/ *Sao con không dẫn Kemal đi dạo xung quanh? Hãy để nó ...*"- "*Chắc chắn rồi. Lối này, Kemal.*" (*The Sky is falling* - p.133) như sau:

- Mong muốn trong cảnh huống này có giá trị +2, khả năng thực hiện +2 cao do phản hồi từ tiếp thể thể hiện, quyền lực của chủ thể phát ngôn +1 trong mối quan hệ vị thế trong gia đình, chi phí hướng đến tiếp thể cao +2 qua đơn vị diễn ngôn rào đón thể hiện mức độ mong muốn hành động cần thiết phải được thực hiện, lợi ích hướng về tân ngữ ngôi thứ ba hơn là đến chủ thể và tiếp thể do đó có giá trị bằng 0 và nghĩa vụ thực hiện có giá trị +2 do vị thế gia đình quy định. Giá trị biểu lực của (d) bằng +9 cho thấy lực mệnh lệnh cao mặc dù lợi ích không hướng đến chủ thể và tiếp thể mệnh lệnh, đặc biệt là mối quan hệ giữa *quyền lực + chi phí + nghĩa vụ cao* trong kết cấu mệnh lệnh *Let* với tân ngữ ngôi thứ 3.

Phân tích (g) cho kết quả như sau:

Các tham thể trong mệnh lệnh không ngang bằng về vị thế quyền lực (giữa Simba và con khi hầu cận) bằng 0, nhưng lợi ích hướng đến cùng chủ thể và tiếp thể nên có trị số cao +2, đồng thời, nghĩa vụ của tiếp thể thấp bằng 0. Giá trị biểu lực +2 trong kết cấu *Let's* phản ánh đặc điểm tri nhận qua *quyền lực thấp + lợi ích cao + nghĩa vụ thấp*.

Từ các đặc điểm trên, diễn mẫu của kết cấu mệnh lệnh *Let/let's* được mô tả như sau:

Trong sự kiện tiên khởi mệnh lệnh, chủ thể sử dụng biểu lực mệnh lệnh qua kết cấu động từ mệnh hướng đến tiếp thể qua các đặc điểm tri nhận sau: Quyền lực cao hoặc thấp (so với tiếp thể), Nghĩa vụ cao hoặc thấp của tác thể mệnh lệnh (người thực hiện mệnh lệnh) với Mong muốn cao và /hoặc Chi phí nhưng lợi ích cao hoặc lợi ích chung nhằm thể hiện sự cần thiết thực hiện hành động. Quá trình này thông qua cơ chế ẩn dụ tri nhận và bối cảnh giao tiếp được kích hoạt và xảy ra trong não của chủ thể/ tiếp thể/ tác thể. Người nói và người nghe dựa trên nghiệm thân, kiến thức sẵn có, hiểu và nhận thức các giá trị quyền lực, vị thế, mong muốn, lợi ích và chi phí được ẩn dụ hoá trong biểu lực và thể hiện mức độ biểu lực mệnh lệnh.

Trong sự kiện tiếp theo, hành động mệnh lệnh được thực hiện bởi tác thể. Thông qua cơ chế hoán dụ tri nhận, tiếp thể/ tác thể mệnh lệnh là một cá nhân cụ thể, có vai nghĩa là tác thể thực hiện mệnh lệnh, ở đây, tác thể được hoán dụ dưới vai nghĩa được ngầm định trong kết cấu động từ Let qua tân ngữ Me (chủ thể và cũng là tác thể), tân ngữ Them (tiếp thể là tác thể) và Us (chủ thể và tiếp thể đồng thời là tác thể thực hiện mệnh lệnh). Trong sự kiện này, bối cảnh được giả định thông qua quá trình tri nhận mệnh lệnh xảy ra trong trí não của người nói và người nghe ngầm phân định các vai chủ thể, tiếp thể và tác thể như là người vừa đưa ra mệnh lệnh đồng thời cũng chính là người thực hiện mệnh lệnh.

5. Kết luận

Kết cấu mệnh lệnh **Let/Let's** là mệnh lệnh thức phổ biến trong tiếng Anh, có tần suất xuất hiện cao trong giao tiếp thường ngôn. Trong chức năng như một tổ chức diễn ngôn độc lập, kết cấu mệnh lệnh với **Let/Let's** vẫn đảm bảo tính biểu lực/ lực ngôn trung và khả năng biểu đạt mức độ lịch sự trong giao tiếp hướng đến người nghe, và đồng thời cũng thể hiện tính khiêm cung, nhã nhặn của chủ thể mệnh lệnh trong giao tiếp xã hội.

Với 3 kết cấu cơ bản của một ngoại động từ kết hợp đơn tân ngữ: LET ME/LET THEM và LET US biểu đạt nét nghĩa mệnh lệnh trong 11 nét nghĩa, dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận, kết cấu mệnh lệnh **Let/Let's** trong giao tiếp tương tác xã hội có những đặc điểm tri nhận sau: Thông qua cơ chế hoán dụ ý niệm, vai nghĩa của chủ thể, tiếp thể, tác thể được chuyển dung ngữ nghĩa sang các cá nhân cụ thể (tồn tại trong nhận thức) trong quá trình tri nhận mệnh lệnh và thực hiện hành động mệnh. Thông qua cơ chế ẩn dụ tri nhận, biểu lực mệnh lệnh được tri nhận (mang tính trừu tượng) thông qua các tham tố được đo lường, định lượng trong mối quan hệ của mong muốn, khả năng, quyền/ vị thế, chi phí, lợi ích và nghĩa vụ tuân thủ.

Chú thích:

¹ (Grammar) the form of a verb that expresses an order; a verb in this form. OALD-9th app edition. Oxford university press. 2020.

² “the organization and retrieval of linguistic knowledge is not significantly different from the organization and retrieval of other knowledge in the mind, and the cognitive abilities that we apply to speaking and understanding language are not significantly different from those applied to other cognitive tasks, such as visual perception, reasoning, or motor activity.”- Croft and Cruse (2004: 2).

³ the here-and-now of the speech act.

⁴ Seongha Rhee (2001). Grammaticalization of verbs of cognition and perception.

https://www.researchgate.net/publication/288938529_Grammaticalization_of_verbs_of_cognition_and_perception

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biber et al. (1999), *Longman grammar of spoken and written English*. London: Longman
2. Brown & Levinson (1987), *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Chung, Sandra and Timberlake, Alan (1985), *Tense, Aspect and Mood*. In Shopen, Timothy (ed.), 241-258. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Collins (2004), *Let-imperatives in English*. International Journal of CorpusLinguistics 9: 299-319.

5. Croft, W., & Cruse, D. A. (2004), *Cognitive Linguistics*. Cambridge: Cambridge University Press
6. Evans, V. and Melanie Green, M. (2006), *Cognitive Linguistics: An Introduction*. Edinburgh University Press Ltd 22 George Square, Edinburgh
7. Goldberg, A. (2006), *Constructions at work: The nature of generalization in language*. Oxford: Oxford University Press
8. Goldberg, A. (2013), *Constructionist Approaches*. In T. Hoffmann, & G. Trousdale (Eds.), *The Oxford Handbook of Construction Grammar* (pp. 15-31), Oxford: Oxford University Press.
9. Goldberg, A. (1995), *Constructions: A construction grammar approach to argument structure*. Chicago/London: University of Chicago Press
10. Huddleston và Pullum. (2002), *The Cambridge grammar of the English language* Cambridge: Cambridge University Press
11. Jakobson, R. O. (1995), '*Shifters and verbal categories*', edited by Linda R. Waugh and Monique Monville-Burston. Cambridge, MA: Harvard University Press.
12. Johnson, M. (1987), *The body in the mind: The bodily basis of meaning, imagination, and reason*. Chicago: University of Chicago Press.
13. Lakoff, George. (1987), *Women, fire, and dangerous things: what categories reveal about the mind*. Chicago: University of Chicago Press
14. Langacker, R. W. (1987b), *Foundations of Cognitive Grammar*, vol. 1: theoretical prerequisites. Stanford: Stanford University Press.
15. Langacker, R. W. (2008), *Cognitive grammar: A basic introduction*. New York: Oxford University Press.
16. Langacker, R.W. (2013), *Essentials of Cognitive Grammar*. Oxford University Press
17. Palmer, F. R. (1986), *Mood and modality*. Cambridge: Cambridge University Press.
18. Pérez Hernandez, L. and F. J. Ruiz de Mendoza. (2002), *Grounding, semantic motivation, and conceptual interaction in indirect directive speech acts*. *Journal of Pragmatics* 34.
19. Stefanowitch and Gries. (2003), *Collostructions: Investigating the interaction of words and constructions*. *International Journal of Corpus Linguistics* 8(2).
20. Wierzbicka. (2003), *Crosscultural pragmatics: The semantics of human interaction*. Berlin: Mouton de Gruyter

The cognitive features in English *Let/Let's* imperative constructions

Abstract: The research is conducted based on a cognitive linguistic approach to analyze and describe the cognitive features in the constructions of English imperative with the verbs 'Let' and 'Let's', thank to data collected and analyzed from some English-American popular literary works. The findings of the study demonstrate the widespread use of the imperative constructions, which includes the verbs 'Let' and 'Let's' in everyday social communication. The results, also show that the imperative constructions with 'Let' and 'Let's' is commonly used in everyday social communication and functions as independent discourse units, expressing the cognitive characteristics of imperatives through two criteria: force exertion/ imperative illocutionary force (quantitative) and semantics roles (qualitative).

Key words: cognition; construction grammar; *Let/Let's*; imperative; schema.